TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2019
V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Mạnh

2. Bà Phạm Thị Phương Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quế Hương, Thư ký Tòa án nhân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà*:** Bà Trần Lệ Thủy, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 tranh chấp về tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 640/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị ĐM, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: 594 ĐBP, Phường MM, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng: số 6 TS (Căn hộ A tầng 2) phường BN, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Dương Thị ĐM trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Xuân P ly hôn năm 2013 theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 110/2013/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2013, theo quyết định trên hai con chung là Nguyễn Dương QN, sinh ngày 12/8/2000 và Nguyễn Dương NM, sinh ngày 10/3/2005 bà và ông P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn ông P vẫn cư trú tại địa chỉ căn hộ số 6 TS (Căn hộ A tầng 2) phường BN, Quận M; còn bà và hai con chuyển về sinh sống tại địa chỉ số 594 ĐBP, Phường MM, Quận M. Bà đã nhiều lần liên lạc với ông P về việc cấp dưỡng nuôi hai con nhưng ông P thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ trên, bà không liên lạc được, từ năm 2013 cho đến nay bà không nhận được một khoản tiền cấp dưỡng nào từ ông P để nuôi hai con chung.

Việc ông P không liên lạc với mẹ con của bà gây khó khăn về mặt giấy tờ làm thủ tục cho các con học hành, làm mất cơ hội học tập cho hai con. Nay con gái lớn Nguyễn Dương QN, sinh ngày 12/8/2000 đã trưởng thành, chỉ còn trẻ Nguyễn Dương NM, sinh ngày 10/3/2005 đang trong độ tuổi cần người đại diện hợp pháp, do đó, bà yêu cầu Tòa án giao trẻ Nguyễn Dương NM, sinh ngày 10/3/2005 cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Xuân P tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông P vẫn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa không có lý do, vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện sau khi bà M và ông P ly hôn, bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Trong thời gian qua, do vướng mắc khi thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc học

tập của con cái, phải cần có sự đồng thuận của ông P nên bà M mới khởi kiện ông P ra Tòa yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền nuôi trẻ NM.

Bà M đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con và bản thân trẻ NM cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho trẻ NM được phát triển tốt về thể chất và tinh thần, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về pháp luật tố tụng**:*

[1] Bà Dương Thị ĐM có đơn khởi kiện tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Xuân P; theo kết quả xác minh ngày 14/12/2018 của Công an phường BN, Quận M *"ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1973, có hộ khẩu thường trú tại số 6 TS (Căn hộ A tầng 2) phường BN, Quận M nhưng không thực tế cư trú, không rõ địa chỉ cư ngụ"*, ông P có nơi cư trú cuối cùng tại Quận M, theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Căn cứ vào đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 12/3/2019 của bà Dương Thị ĐM; đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Xuân P đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông P vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, xét thấy việc xét xử vắng mặt bà M và ông P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về pháp luật nội dung:

[3] Xét yêu cầu nuôi con của bà Dương Thị ĐM, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà M và ông P ly hôn theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 110/2013/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2013 của Tòa án nhân dân Quận 1; Theo quyết định trên khi ly hôn hai bên tự thỏa thuận về con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn hai con chung là Nguyễn Dương QN, sinh ngày 12/8/2000 và Nguyễn Dương NM, sinh ngày 10/3/2005 sống chung cùng bà M cho đến nay, thời gian qua do vướng mắc về thủ tục hành chính liên quan đến việc học tập của các con cần có sự đồng thuận của ông P, tuy nhiên bà M không tìm được

ông P để hoàn tất thủ tục cho các con, nên bà M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi trẻ NM để thuận tiện trong việc học tập của con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con; đồng thời, nguyện vọng của trẻ NM là được sống chung cùng với mẹ, vì trong suốt thời gian qua cháu không nhận được bất kỳ chu cấp nào từ cha.

Xét, việc để trẻ NM cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là ổn định về người trực tiếp trông nom, chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con, không làm xáo trộn sinh hoạt, cuộc sống hiện tại và là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con và phù hợp với quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Giao con chung Nguyễn Dương NM, sinh ngày 10/3/2005 cho bà Dương Thị ĐM trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông Nguyễn Xuân P cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Xuân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Bà Dương Thị ĐM không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023711 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: bà Dương Thị ĐM, ông Nguyễn Xuân P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phượng